

Số: 51/KH-UBND

Bình Yên, ngày 12 tháng 9 năm 2025

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ xã về phát triển ngành chè xã Bình Yên giai đoạn 2025 - 2030

Thực hiện Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của Hội Đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện Nghị quyết số 07 -NQ/ĐU ngày 12/9/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ xã Bình Yên về phát triển ngành chè xã Bình Yên giai đoạn 2025-2030;

Ủy ban nhân dân xã Bình Yên ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/ĐU ngày 12/9/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ xã của cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

Xác định các nội dung cụ thể để thực hiện có hiệu quả quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 07 -NQ/ĐU ngày 12/9/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ xã Bình Yên về phát triển ngành chè xã Bình Yên giai đoạn 2025-2030; UBND xã phối hợp chặt chẽ các ngành, các xóm trong quá trình triển khai thực hiện.

Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và nhân dân về vị trí vai trò và tầm quan trọng của ngành chè xã Bình Yên trong phát triển nông nghiệp trên địa bàn xã.

### 2. Yêu cầu

- Xác định rõ trách nhiệm thực hiện Nghị quyết số 07 -NQ/ĐU ngày 12/9/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ xã là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên. Trong quá trình triển khai thực hiện phải bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, kịp thời giải quyết khó khăn vướng mắc, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết.

- Tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả; vận dụng linh hoạt, sáng tạo, lồng ghép các chương trình, đề án, dự án, chính sách của Trung ương, tỉnh phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh chè để triển khai thực hiện Kế hoạch đạt kết quả.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Mục tiêu phát triển chung của xã Bình Yên là phát huy tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, lao động để đưa cây chè trở thành cây trồng chủ lực, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nâng cao thu nhập và đời sống của nhân dân. Tập trung nâng cao năng suất, chất lượng, mở rộng diện tích chè theo quy hoạch; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, sản xuất theo hướng VietGAP, hữu cơ gắn với chế biến, xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm ổn định. Qua đó hình thành vùng sản xuất chè hàng hóa tập trung, bền vững, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã. Đồng thời góp phần hoàn thành mục tiêu chung của tỉnh Thái Nguyên là biến cây chè thành “cây trồng tỷ đô”.

### 2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

(1) Diện tích chè trên địa bàn xã 650,64 ha, sản lượng chè búp tươi đạt 8.328 tấn.

(2) 70% diện tích chè trở lên được chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn GAP hữu cơ; 70% diện tích chè trở lên được cấp mã số vùng trồng.

(3) 100% số cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh chè và các sản phẩm từ chè đảm bảo quy định an toàn thực phẩm.

(4) 100% doanh nghiệp, hợp tác xã có vùng nguyên liệu chè ứng dụng công nghệ số trong canh tác, quản lý chuỗi, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

(5) Có ít nhất 03 sản phẩm trà được chứng nhận tiêu chuẩn OCOP 3 sao trở lên.

(6) 100% sản phẩm trà và sản phẩm từ chè được thương mại điện tử trên các nền tảng số.

(7) Giá trị sản phẩm chè đạt 400 triệu đồng/ha.

(8) Có ít nhất từ 02 hợp tác xã trở lên sản xuất, chế biến chè hoạt động hiệu quả.

## III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

### 1. Hỗ trợ trồng chè

a) Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở, hộ gia đình, cá nhân thực hiện trồng mới chè và trồng thay thế chè theo quy trình sản xuất do Bộ chuyên ngành hoặc do địa phương ban hành theo quy định của pháp luật.

b) Mức hỗ trợ:

- b1) Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống chè để trồng mới và trồng thay thế;
- b2) Hỗ trợ một lần, 70% kinh phí mua phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh để trồng mới chè trong năm thứ nhất.

## **2. Hỗ trợ chứng nhận đạt tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)**

a) Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở tham gia sản xuất chè được chứng nhận đạt tiêu chuẩn GAP, quy mô sản xuất tối thiểu 5 ha.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí chứng nhận đạt tiêu chuẩn GAP lần đầu, tối đa 6 triệu đồng/ha; 100% kinh phí cấp lại chứng nhận đạt tiêu chuẩn GAP, tối đa 4 triệu đồng/ha.

## **3. Hỗ trợ sản xuất đạt tiêu chuẩn hữu cơ**

a) Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở tham gia sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè. Quy mô sản xuất chè tối thiểu 5 ha.

b) Mức hỗ trợ:

b1) Hỗ trợ 100% kinh phí chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ lần đầu, tối đa 60 triệu đồng/ha; 100% kinh phí cấp lại chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ, tối đa 40 triệu đồng/ha;

b2) Hỗ trợ 70% kinh phí mua phân bón hữu cơ, phân bón hữu cơ vi sinh, thuốc trừ sâu sinh học, chế phẩm sinh học trong thời gian chuyển đổi hình thức sản xuất chè tối đa trong 3 năm và không quá 50 triệu đồng/ha/năm.

## **4. Hỗ trợ xây dựng, chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng**

a) Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở tham gia sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè được cấp chứng nhận ISO, HACCP hoặc chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến khác.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí chứng nhận đạt tiêu chuẩn lần đầu, tối đa 50 triệu đồng/cơ sở.

## **5. Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng chè**

a) Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở tham gia sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè. Vùng trồng có diện tích tối thiểu 5 ha, cơ sở có cam kết duy trì mã vùng trồng đảm bảo đúng quy định ít nhất 5 năm.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí gắn mã vùng trồng xuất khẩu lần đầu, tối đa 25 triệu đồng/vùng trồng. Nhà nước đảm bảo kinh phí hằng năm để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát vùng trồng đã được gắn mã số.

## **6. Hỗ trợ áp dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm, thông minh trong sản xuất chè**

a) Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở áp dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm, thông minh theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ; quy mô sản xuất chè tối thiểu 2 ha.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần, 70% kinh phí đầu tư, tối đa 60 triệu đồng/ha, tổng kinh phí hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/cơ sở.

## **7. Hỗ trợ mua máy móc, thiết bị sản xuất, chế biến chè**

a) Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở tham gia sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè. Máy móc, thiết bị mới 100%; có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% kinh phí mua máy móc, thiết bị sản xuất, chế biến chè, tối đa 500 triệu đồng/máy móc, thiết bị và tối đa 2.000 triệu đồng/cơ sở.

## **8. Hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ**

a) Điều kiện hỗ trợ: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

b) Mức hỗ trợ: Đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng chè mới.

b1) Hỗ trợ đối với đăng ký bảo hộ trong nước:

+ Đơn đăng ký bảo hộ sáng chế: 15 triệu đồng/đơn;

+ Đơn đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng chè mới: 20 triệu đồng/đơn;

+ Đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp: 10 triệu đồng/văn bằng bảo hộ;

+ Đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu: 5 triệu đồng/văn bằng bảo hộ.

- b2) Hỗ trợ đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài cho các nội dung quy định tại tiết b1 điểm b khoản này: 50 triệu đồng/đơn, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn, được chấp nhận hợp lệ.

## **9. Hỗ trợ phát triển sản phẩm trà và các sản phẩm từ cây chè được chứng nhận đạt tiêu chuẩn OCOP**

a) Điều kiện hỗ trợ: Sau khi cơ sở, hộ gia đình, cá nhân tham gia sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè (đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật) có sản phẩm trà và các sản phẩm từ cây chè được cấp chứng nhận sản phẩm OCOP đạt sao của cơ quan có thẩm quyền.

b) Mức hỗ trợ:

b1) Hỗ trợ một lần đối với sản phẩm OCOP đạt 3 sao, mức hỗ trợ 30 triệu đồng/sản phẩm;

b2) Hỗ trợ một lần đối với sản phẩm OCOP đạt 4 sao, mức hỗ trợ 40 triệu đồng/sản phẩm;

b3) Hỗ trợ một lần đối với sản phẩm OCOP đạt 5 sao, mức hỗ trợ 60 triệu đồng/sản phẩm.

### **10. Hỗ trợ quảng bá, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm trà và các sản phẩm từ cây chè**

a) Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở tham gia sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè và các sản phẩm trà.

b) Mức hỗ trợ:

b1) Hỗ trợ 100% kinh phí mua tem truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác sản phẩm trà và các sản phẩm từ cây chè đạt tiêu chuẩn OCOP, tối đa 200 triệu đồng/cơ sở;

b2) Hỗ trợ 50% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài (thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng, trình diễn sản phẩm, tài liệu quảng bá sản phẩm, chi phí đi lại, vận chuyển hàng hóa), tối đa 20 triệu đồng/lần/cơ sở tham gia hội chợ, triển lãm tại các tỉnh, thành phố từ Bắc Trung bộ trở ra; tối đa 40 triệu đồng/lần/cơ sở tham gia hội chợ, triển lãm tại các tỉnh, thành phố từ Nam Trung bộ trở vào; tối đa 200 triệu đồng/lần/cơ sở tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài. Hỗ trợ không quá 2 lần/đơn vị/năm đối với tham gia trong nước; một lần/đơn vị/năm đối với tham gia ở nước ngoài;

b3) Hỗ trợ kinh phí quảng cáo trên nền tảng số cho các chủ thể có sản phẩm OCOP tham gia gian hàng trên sàn thương mại điện tử trong thời gian tối đa 2 năm: Mức hỗ trợ tối đa 2 triệu đồng/sản phẩm/năm, tối đa 12 triệu đồng/chủ thể/năm.

### **11. Hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng - sinh thái gắn với các vùng sản xuất chè**

a) Điều kiện hỗ trợ: Các điểm du lịch cộng đồng - sinh thái gắn với vùng sản xuất chè được cấp có thẩm quyền công nhận, các vùng sản xuất chè nằm trong quy hoạch phát triển du lịch hoặc có tiềm năng phát triển du lịch.

b) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 100% kinh phí tư vấn lập dự án, tối đa 200 triệu đồng/điểm/dự án; tập huấn, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực du lịch; tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch.

- Hỗ trợ 70% kinh phí xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nội bộ; xây dựng hạ tầng khác (bãi đỗ xe chung, nhà vệ sinh công cộng, hệ thống cấp điện, trưng bày, cung cấp dịch vụ gắn với điểm du lịch cộng đồng); lưu trú du lịch cộng đồng (homestay); xây dựng mới nhà hàng ẩm thực truyền thống kết hợp

trung bày, giới thiệu, bán quà tặng lưu niệm, sản phẩm OCOP và đặc sản địa phương; mua trang thiết bị thiết yếu cho các cơ sở du lịch cộng đồng; thiết bị thu gom rác thải tại điểm du lịch cộng đồng; xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch.

- Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa 10.000 triệu đồng/điểm/dự án.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Các phòng, ban, UBND xã**

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và các nhiệm vụ cụ thể tại Kế hoạch, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch cụ thể thuộc phạm vi quản lý của đơn vị mình; trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm để triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm (*trước ngày 05/12*) báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện về Phòng kinh tế .

##### **2. Phòng Kinh tế**

- Chủ trì, phối hợp với các Phòng, ban chuyên môn và thực hiện Kế hoạch. Tham mưu xây dựng kế hoạch sản xuất hàng năm, trong đó xây dựng chỉ tiêu kế hoạch sản xuất phát triển chè.

- Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ khuyến công, chính sách thương mại hàng nông sản, phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh chè tham gia thương mại điện tử. Triển khai các hoạt động quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại, kết nối, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, HTX chè trong xã được tham gia vào kênh tiêu thụ chính thức tại các tỉnh thành trong cả nước, tham gia các cuộc hội nghị giao thương, tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trà của huyện.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành, đồng thời đánh giá hiệu quả triển khai, nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách mới phù hợp với địa phương để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả về phát triển ngành chè xã.

- Tham mưu rà soát đề nghị điều chỉnh, bổ sung chính sách nhằm thúc đẩy phát triển ngành chè.

- Hướng dẫn quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch đúng quy định, phát huy hiệu quả cao nhất các nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước.

- Phối hợp với công chức chuyên môn liên quan tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn hỗ trợ thành lập mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chè.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan, các xóm tham mưu lập bản đồ quy hoạch vùng trồng; rà soát hiện trạng đất đai, lợi thế của từng xã, thị trấn để xác lập, quy hoạch các vùng sản xuất chè theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ tạo ra vùng nguyên liệu

chất lượng cho chế biến. Số hóa các vùng sản xuất chè theo quy hoạch để quản lý, áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm trà xã Bình Yên;

- Theo dõi đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch của các xóm tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch; đề xuất biện pháp, giải pháp khắc phục các tồn tại khó khăn trong quá trình thực hiện; định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai và kết quả đạt được các chỉ tiêu nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Rà soát hiện trạng đất đai, lợi thế của địa phương để tham mưu xác lập, quy hoạch các vùng sản xuất chè theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ tạo ra vùng nguyên liệu chất lượng cho chế biến. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện số hóa các vùng sản xuất chè theo quy hoạch để quản lý, áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn.

- Huy động nguồn lực hợp pháp từ các thành phần kinh tế để đầu tư vào phát triển nông nghiệp.

- Phối hợp với cơ quan liên quan, các xóm tổ chức các lớp tập huấn, vận động hội viên đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, sản xuất an toàn hữu cơ, tham gia các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để tăng cường liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ, nâng cao giá trị, thương hiệu sản phẩm trà.

### **3. Trung Tâm Dịch vụ Tổng hợp**

Phối hợp Phòng ban chuyên môn sử dụng các nguồn kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định, phát huy hiệu quả cao nhất các nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước.

Tham mưu phối hợp với các phòng chuyên môn, các xóm, tổ chức thực hiện các chương trình dự án hỗ trợ phát triển ngành chè trên địa bàn xã.

Hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật, cơ cấu giống, thời vụ, quy trình kỹ thuật sản xuất, áp dụng tiêu chuẩn sản xuất an toàn, hữu cơ; chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ. Tuyên truyền, hướng dẫn các vùng trồng chè chủ động xây dựng hồ sơ, đăng ký cấp mã số vùng trồng đáp ứng thị trường tiêu thụ trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.

### **4. Phòng Văn hóa – Xã hội**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm đối với các chất phụ gia, hóa chất, hương liệu thực phẩm bổ sung trong chế biến chè và các thực phẩm chức năng có nguồn gốc thành phần từ chè. Các bếp ăn tập thể, nhà hàng, khách sạn có kinh doanh và sử dụng sản phẩm chè

- Phối hợp với các Sở ngành, phòng, ban, ngành, địa phương xây dựng, tham mưu ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn thực phẩm đối với các

sản phẩm đặc thù của địa phương có liên quan đến chè Định Hóa thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

### **5. Các ông, bà trưởng xóm**

- Có trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch, nội dung hỗ trợ các chương trình tới toàn thể người dân trên địa bàn xóm. Vận động người dân đăng ký tham gia các chương trình, nội dung để góp phần nâng cao đời sống kinh tế của nhân dân, biến cây chè trở thành cây trồng chủ lực của địa phương, đồng thời đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu theo Nghị quyết đề ra.

### **6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã**

Chỉ đạo các cấp hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng đến các hội viên từ xã đến cơ sở; tích cực vận động và giúp nông dân nâng cao nhận thức về chủ trương, định hướng trong xây dựng, phát triển ngành chè của huyện; phát động các phong trào thi đua trong tổ chức hội nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết đã đề ra.

- Phối hợp với cơ quan liên quan, các xóm tổ chức các lớp tập huấn, vận động hội viên đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, sản xuất an toàn hữu cơ, tham gia các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để tăng cường liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ, nâng cao giá trị, thương hiệu sản phẩm chè.

Trên đây là Kế hoạch của UBND xã Bình Yên triển khai thực hiện Nghị quyết số 07 -NQ/ĐU ngày 12/9/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ xã Bình Yên về phát triển ngành chè xã Bình Yên giai đoạn 2025-2030./.

#### **Nơi nhận:**

- Thường trực Đảng xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;
- 35 ông, bà trưởng xóm
- Lưu: VP, PKT./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Thu Hoài**

## KẾ HOẠCH

### THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGÀNH CHÈ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BÌNH YÊN

(Kèm theo Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 12/9/2025 của UBND xã Bình Yên)

STT	Xã	Diện tích trồng chè (ha)		Diện tích chè cho thu hoạch (ha)		Năng suất (tạ/ha)		Sản lượng (tấn)		Diện tích chè được cấp chứng nhận GAP, hữu cơ (ha)		Diện tích chè được cấp mã số vùng trồng (ha)	
		Hiện trạng	KH đến 2030	Hiện trạng năm 2024	KH đến 2030	Hiện trạng năm 2024	KH đến 2030	Hiện trạng năm 2024	KH đến 2030	Hiện trạng đến năm 2024	KH đến 2030	Hiện trạng	KH đến 2030
1	Bình Yên	533,64	650,64	500	622	128	133,9	7.275	7.780	50,3	373,55	3	373,55
<b>Tổng</b>		<b>533,64</b>	<b>650,64</b>	<b>500</b>	<b>622</b>	<b>128</b>	<b>133,9</b>	<b>6.400</b>	<b>8.328</b>	<b>50,3</b>	<b>373,55</b>	<b>3</b>	<b>373,55</b>